

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
ĐỐI VỚI MỘT SỐ LOẠI VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

STT	Tên định mức	STT	Tên định mức
1	Nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao	15	Nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ
2	Nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao	16	Nuôi cá chim trắng trong ao /hồ
3	Nuôi cá Trắm đen trong ao/hồ	17	Nuôi cá Trê trong ao /hồ
4	Nuôi cá Trắm đen trong lồng bè	18	Nuôi nheo mỹ trong lồng bè
5	Nuôi cá Bống trong lồng/bè	19	Nuôi cá Lúa
6	Nuôi cá rô đồng trong ao /hồ	20	Nuôi cá Lăng nha trong lồng bè
7	Nuôi ba ba trong ao/bể	21	Nuôi cá Lăng chấm trong lồng bè
8	Nuôi ếch trong bể/ lồng bè	22	Nuôi cá Lăng chấm trong ao hồ
9	Nuôi cá rô phi trong lồng bè	23	Nuôi cá Chiên trong lồng bè
10	Nuôi cá rô phi thâm canh trong ao/ hồ	24	Nuôi Lươn trong bể
11	Nuôi cá rô phi bán thâm canh trong ao/ hồ	25	Nuôi cá Tầm trong lồng bè
12	Nuôi ghép cá rô phi là chính trong ao/ hồ	26	Nuôi cá tầm trong bể /ao
13	Nuôi cá Trắm cỏ trong lồng bè	27	Nuôi cá Hồi trong ao/ bể
14	Nuôi ghép cá Trắm cỏ là chính trong ao/ hồ		

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao (Áp dụng cho quy mô 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I Định mức giống, vật tư				
1	Giống	con/m ²	10	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, hình thái cấu tạo ngoài đã hoàn chỉnh như tôm trưởng thành; thân và các bộ phận bên ngoài không bị tổn thương; tôm hoạt động mạnh khi ngưng sục khí
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.2	Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 30 triệu	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ ≤ 30 triệu/ha
II Định mức công lao động				
1	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn con giống	30	
III Định mức máy móc, thiết bị				
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01	
4	Thiết bị, dụng cụ khác	Bộ	02-04	

2. Nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao (*Áp dụng cho quy mô 01 ha*)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống	con/m ²	15-20	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.5	Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
II	Định mức công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con giống	30	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01- 02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04- 08	
3	Máy phát điện	Bộ	01	
4	Thiết bị, dụng cụ khác	Bộ	01 - 02	

3. Nuôi cá Trắm đen trong ao/hồ (Áp dụng cho quy mô 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống	Con/m ²	1	Quy cỡ giống cá: 200-500 gr/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	40	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	48	6 người x 8 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02- 04	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

4. Nuôi cá Trắm đen trong lồng bè (Áp dụng cho quy mô 500 m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống	Con/m ³	5	Cá giống cỡ từ 0,5 kg/con; cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng,
2	Thức ăn	FCR	≤ 3.0	Hàm lượng protein 38-45 % (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	%	5% chi phí thức ăn	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/100m ³
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	16	2 người x 8 tháng (thời gian nuôi cá)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	02-03	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

5. Nuôi cá Bông trong lồng/bè (Quy mô: Áp dụng cho 500 m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống	Con/m ³	10-15	Quy cỡ giống 6-10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 30%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	%	5% chi phí thức ăn	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ³
II	Định mức công lao động			
8	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con cá giống	90	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	02-03	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

6. Nuôi cá rô đồng trong ao /hồ (quy mô 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I Định mức giống, vật tư				
1	Giống	Con/m ²	50	Quy cỡ giống $\geq 5,1$ cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	%	5% chi phí thức ăn	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ³
II Định mức công lao động				
	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con cá giống	40	
III Định mức máy móc, thiết bị				
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

7. Nuôi ba ba trong ao/bể (áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống	Con/m ²	2	Quy cỡ giống ≥ 100 gr/con; Ba ba giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 10	Ba ba là loài ăn tạp, thức ăn chủ yếu là các loại cá tạp, thức ăn động vật đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	50	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định; mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ² bể
II	Định mức công lao động		Lao động/ha	
	Công chăm sóc	tháng	108	6 người x 18 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ/	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

8. Nuôi ếch trong bể/ lồng bè (áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống	Con/m ³	80	Quy cỡ giống ≥ 20 gr/con; Ếch giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	50	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định; mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ² bể
II	Định mức công lao động		Lao động/ha	
	Công chăm sóc	tháng	8	2 người x 4 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

9. Nuôi cá rô phi trong lồng bè (Áp dụng cho quy mô 500 m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Rô phi/ Điều hồng	Con /m ³	100	- Cỡ giống: ≥ 6 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng protein $\geq 24\%$; - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	%	5% chi phí thức ăn	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ³
II	Công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con giống	40	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm, xít nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02	

10. Nuôi cá rô phi thâm canh trong ao/ hồ (quy mô áp dụng cho 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Rô phi/ Diêu hồng	Con/m ²	5-7	- Cỡ giống: ≥ 7 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, cá có màu xanh sẫm, khi bắt lên có màu sắc tươi sáng
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.3	- Hàm lượng Protein $\geq 28\%$; -thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
II	Định mức kinh tế - Kỹ thuật			
1	Lượng giống	con	50.000 - 70.000	
2	Tỷ lệ sống	%	≥ 70	
3	Thức ăn	kg	\geq 22.750	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	40	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha
5	Thời gian nuôi	Tháng	8	
6	Sản lượng	Kg/ha	\geq 17.500	
7	Năng suất	kg/m ²	$\geq 1,75$	Trọng lượng trung bình $\geq 0,5$ kg/con
II	Công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con giống	40	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

11. Nuôi cá rô phi bán thâm canh trong ao/hồ (quy mô áp dụng cho 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Rô phi/ Diêu hồng	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: ≥ 5 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, cá có màu xanh sẫm, khi bắt lên có màu sắc tươi sáng
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	20	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha
II	Công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con giống	40	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

12. Nuôi ghép cá rô phi là chính trong ao/ hồ (quy mô áp dụng cho 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Rô phi \geq 50%	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng \geq 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen \geq 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, cá không có biểu hiện bệnh
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	\leq 1.5	- Hàm lượng Protein \geq 24%; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. - Thời hạn sử dụng \leq 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	20	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha
II	Định mức công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/ 1 vạn (10.000) con giống	40	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

13. Nuôi cá Trắm cỏ trong lồng bè (quy mô áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: cá Trắm cỏ	Con/m ³	20-30	- Cỡ giống: 300-500 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn xanh	FCR	≤ 45	- Đảm bảo chất lượng; - Kích cỡ phù hợp giai đoạn phát triển của cá.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	%	5% chi phí thức ăn	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/100m ³
II	Công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	20	2 người x 10 tháng (thời gian nuôi cá)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
II	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

14. Nuôi ghép cá Trắm cỏ là chính trong ao/ hồ Áp dụng cho quy mô 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: cá rô phi, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, cá khỏe mạnh không có biểu hiện bệnh
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.2	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	20	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha
II	Công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	60	6 người x 10 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

15. Nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ Áp dụng cho quy mô 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Chép $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: Chép ≥ 4 cm/con ; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm/con; cá rô phi, chim trắm ≥ 4 cm/con - Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, cá không có biểu hiện bệnh lý
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	20	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha
II	Định mức công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/1 vạn (10.000) con cá giống	15	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
6	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

16. Nuôi cá chim trắng trong ao /hồ Áp dụng cho quy mô 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: cá Chim trắng	Con/m ²	2	- Cỡ giống: ≥ 4 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, cá cân đối, vây và vảy nguyên vẹn, không bị tổn thương, cá không có biểu hiện bệnh.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2	- Hàm lượng Protein $\geq 25\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	20	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	60	6 người x 10 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

17. Nuôi cá Trê trong ao /hồ Áp dụng cho quy mô 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: cá Trê	Con/m ²	20	- Cỡ giống: 3-5 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, da trơn bóng, không bị sây xát.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein ≥ 18%; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	20	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	36	6 người x 6 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

18. Nuôi nheo mỹ trong lồng bè (quy mô áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Nheo mỹ	Con/m ³	10	- Cỡ giống: ≥ 10 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, màu sắc tươi sáng.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2	- Hàm lượng Protein $\geq 30\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 10	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 10 triệu đồng/100 m ³
II	Định mức công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/1 vạn (10.000) con cá giống	120	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...	Bộ	01-02	

19. Nuôi cá Lúa (áp dụng quy mô 01 ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống cá: Chép, rô phi, Trắm cỏ, Mè, rô đồng,...	Con/m ²	1,5-2	- Cỡ giống: cá rô phi, Chép: ≥ 10 g/con; Trắm cỏ ≥ 150 g/con; Mè ≥ 100 g/con. - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, cá không có biểu hiện bệnh.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.2	- Hàm lượng Protein $\geq 22\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	16	2 người x 8 tháng (thời gian nuôi cá)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01 - 02	
3	Sử dụng khác...			

20. Nuôi cá Lăng nha trong lồng bè (quy mô áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Lăng nha	Con/m ³	20	- Cỡ giống: ≥ 15 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 2,0$	- Hàm lượng Protein $\geq 35\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 10	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 10 triệu đồng/100 m ³
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	22	2 người x 11 tháng (thời gian nuôi cá)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm, xịt nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

21. Nuôi cá Lăng chấm trong lồng bè (quy mô áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ³	10	- Cỡ giống: 200-300 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, màu sắc tươi sáng, da không bị trầy xước
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.5	- Thức ăn đảm bảo chất lượng, không bị thối mốc.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 100	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/100m ³
II	Định mức công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/1 vạn (10.000) con cá giống	120	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02	

22. Nuôi cá Lăng chấm trong ao/ hồ (quy mô áp dụng cho 01ha)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ²	0,3-0,5	- Cỡ giống: 200-300 gr/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn:			
	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.5	- Đảm bảo chất lượng;
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.7	- Hàm lượng Protein 28-35%; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 100	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 50 triệu đồng/0,5 ha
II	Định mức công lao động			
	Công lao động phổ thông	Công/1 vạn (10.000) con cá giống	120	
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02	
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	
4	Máy phát điện	Bộ	01-02	
5	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

23. Nuôi cá Chiên trong lồng bè (quy mô áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I Định mức giống, vật tư				
1	Giống: cá Chiên	Con/m ³	10	- Cỡ giống: ≥ 100 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, đầu dẹp bằng, thân tròn, nhỏ dần về phía cuống đuôi, cơ thể màu vàng và xen lẫn những khoang màu nâu sẫm.
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4	- Đảm bảo chất lượng;
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 100	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/100m ³
II Định mức công lao động				
	Công lao động phổ thông	Công/1 vạn (10.000) con cá giống	15	
III Định mức máy móc, thiết bị				
1	Bơm, xịt nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02	

24. Nuôi Lươn trong bể (áp dụng cho quy mô 500m²)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: Lươn	Con/m ²	60	- Cỡ giống: ≥ 15 cm; - Lươn khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, Lươn khỏe mạnh không có biểu hiện bệnh
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 4	- Hàm lượng Protein $\geq 20\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	≤ 50	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 50 triệu đồng/01 ha
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	16 - 20	2 người x 8-10 tháng (thời gian nuôi cá)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

25. Nuôi cá Tầm trong lồng bè (quy mô áp dụng cho 500m³)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I	Định mức giống, vật tư			
1	Giống: cá Tầm	Con/m ³ hoặc con/m ²	≥ 5 con/m ³ tương đương ≥ 15 con/m ²	- Cỡ giống: ≥ 50 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein ≥ 35%; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	50	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ³
II	Định mức công lao động			
	Công chăm sóc	tháng	24	2 người x 12 tháng (thời gian nuôi cá)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
II	Định mức máy móc, thiết bị			
1	Bơm, xít nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

26. Nuôi cá tầm trong bể /ao (áp dụng cho quy mô 500m²)

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I				
Định mức giống, vật tư				
1	Giống: cá Tầm	Con/m ²	≥ 8	- Cỡ giống: ≥ 50 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng cỡ cá đồng đều, cân đối, vây hoàn chỉnh, da không bị xây sát, nhanh nhẹn, bơi theo đàn, phản ứng nhanh với tiếng động và ánh sáng
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein $\geq 35\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	50	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/100m ² bể
II				
Định mức công lao động				
	Công chăm sóc	tháng	108	6 người x 18 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III				
Định mức máy móc, thiết bị				
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	

27. Nuôi cá Hôi trong bể quy mô áp dụng 500m²

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
I Định mức giống, vật tư				
1	Giống-mật độ	Con/m ²	20-30	Quy cỡ giống gram/con ≥ 10 ; Cá giống khỏe mạnh, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; cân đối, vây và vẩy nguyên vẹn, có màu sắc đặc trưng của, linh hoạt và phân bố toàn bể, không có dấu hiệu bệnh lý
3	Thức ăn	Hệ số (FCR)	$\leq 1,3$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 35\%$; thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Triệu đồng	50	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 10 triệu đồng/100 m ²
II Định mức công lao động				
	Công chăm sóc	tháng	66	6 người x 12 tháng (thời gian nuôi)
	Công thu hoạch	công	5	Công được tính bằng 8 giờ lao động/ngày
III Định mức máy móc, thiết bị				
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Đối với trường hợp được hỗ trợ từ các chương trình, dự án thực hiện lập sổ theo dõi, trích khấu hao tài sản theo quy định
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04	
3	Máy phát điện	Bộ	01-02	
4	Dụng cụ khác	Bộ	01-02	